Trường trung học cấp 2 Santiago

Lila Jenkins, Hiệu trưởng

Bản Tổng Kết Hàng Năm, Năm học 2012-2013

12342 Trask Avenue
Garden Grove, CA 92843

Điện thoại: (714) 663-6215
Địa chỉ trang mạng: www.ggusd.us

Vài nét về trường

Là một trong 70 trường thuộc Khu học chánh Garden Grove, trường trung học cấp 2 Santiago dạy học sinh từ lớp 9 đến lớp 12 cư ngụ tại các thành phố Santa Ana và Garden Grove.

Sự tham gia của phụ huynh

Trong khu học chánh có nhiều sinh hoạt để phụ huynh tham gia, như các tổ chức phụ huynh hỗ trợ nhà trường, các hội hỗ trợ sinh hoạt học sinh, các hội đồng trường, và các ban cố vấn cấp khu học chánh.

Phụ huynh trường Santiago tham gia những sinh hoạt như các hội hỗ trợ sinh hoạt học sinh, các chương trình nghệ thuật tạo hình và trình diễn, các sinh hoạt thể thao, các buổi họp của hội đồng trường (School Site Council), ban cố vấn cho học sinh học Anh ngữ (English Learner Advisory Committee), đêm gặp gỡ dịp tựu trường (Back-to-School Night), buổi tiếp đón phụ huynh đến viếng lớp (Open House), các đêm phát bằng khen, các buổi họp phụ huynh chương trình AVID, các buổi họp phụ huynh tại tiệm Starbucks, các buổi hướng dẫn phụ huynh về 40 yếu tố để học sinh thành công và thành nhân (40 Development Assets), các buổi hướng dẫn về trợ giúp tài chánh để đi học, các đêm trình bày thông tin về đại học (College Night) và đêm hướng dẫn phụ huynh về chương trình thi PSAT. Muốn biết thêm chi tiết về những sinh hoạt nêu trên, xin liên lạc hiệu trưởng ở số (714) 663-6215.

Ban giám hiệu và nhân viên hỗ trợ

Lãnh đạo giỏi là yếu tố cần thiết trong một trường ưu tú, và trường trung học cấp 2 Santiago có hiệu trưởng Lila Jenkins, là nhà giáo dục chuyên nghiệp với 30 năm kinh nghiệm. Bà được bổ nhiệm làm hiệu trưởng vào năm 2012.

Ngoài hiệu trưởng, ban giám hiệu gồm có các phụ tá hiệu trưởng Tracy Conway-Whitt, Judie Kirksey và Thorsten Hegberg; các chuyên viên tư vấn; trưởng ban phụ trách các sinh hoạt của học sinh; trưởng ban tuyển lựa học sinh chơi thể thao; các trưởng khối; các giáo viên và thư ký nhà trường. Một trong những trách nhiệm của ban giám hiệu là cố vấn chương trình học và các chương trình ngoại khoá.

Ngoài ban giám hiệu, giáo viên và nhân viên hành chánh còn có nhân viên hỗ trợ được huấn luyện đặc biệt để giúp học sinh. Những nhân viên này gồm có:

- Giáo viên dạy thể dục cho học sinh khuyết tật
- Các nhân viên phụ trách an toàn trường
- Các nhân viên liên lạc cộng đồng
- Chuyên viên tiếp cận cộng đồng
- Phụ tá kỹ thuật điện toán
- Các chuyên viên tư vấn
- Các phụ giáo
- Giáo viên dạy nhạc khí
- Quản thủ thư viện
- Y tá/Phụ tá y tế
- Chuyên viên tâm lý
- Giáo viên chương trình bổ túc đặc biệt
- Nhân viên trắc nghiệm
- Giáo viên lớp giáo dục đặc biệt trọn ngày
- Cảnh sát đặc trách học đường (thuộc sở cảnh sát GGPD)
- Chuyên viên chỉnh phát âm/luyện ngữ
- Giáo viên dạy thanh nhạc

Sử dụng Internet công cộng

Những học sinh nào không có Internet tại nhà có thể dùng máy điện toán có kết nối mạng Internet tại các thư viện công cộng trong khu vực thuộc Khu học chánh Garden Grove để lấy xuống đọc các Bản Tổng Kết Hàng Năm. Sử dụng Internet tại thư viện theo nguyên tắc ai đến trước thì dùng trước. Những điều khác cần nên biết là giờ mở cửa, thời gian có thể sử dụng máy (tuỳ vào lúc đó có máy hay không), loại nhu liệu có sẵn trong máy, và máy có thể in tài liệu ra hay không.

Muốn liên lạc với các thư viện trong vùng, mời xem phần dưới đây để biết chi tiết.

Thư viện công cộng Orange County Public Library
Điện thoại: (714) 566-3000
www.ocpl.org

Thư viện công cộng Anaheim Public Library
Điện thoại: (714) 765-1880
www.anaheim.net/library

Thư viện công cộng Santa Ana Public Library
Điện thoại: (714) 647-5250
www.santa-ana.org/library

Hệ thống thư viện công cộng quận hạt Orange (Orange County Public Library) phục vụ các thành phố thuộc phạm vi khu học chánh GGUSD sau đây:

- Cypress
- Garden Grove
- Fountain Valley
- Stanton
- Westminster

Khu Học Chánh Garden Grove

Laura Schwalm, Ph.D.,
Trưởng khu học chánh

10331 Stanford Avenue
Garden Grove, CA 92840
Điện thoại: (714) 663-6000

www.ggusd.us

Tôn chỉ của chúng tôi

Hội đồng giáo dục Khu học chánh Garden Grove đặt hết tâm huyết đem lại một chương trình giáo dục chú tâm vào thành tích học tập, giữ tiêu chuẩn cao, và tạo cơ hội cho tất cả học sinh đạt được kiến thức và năng lực cần thiết để có một cuộc sống hữu ích. Để đạt quyết tâm, học sinh sẽ tham gia một chương trình giáo dục toàn diện để đạt được những mục tiêu nêu trên

Mục tiêu chúng tôi đề ra

Khu học chánh đặt ra mục tiêu là sẽ nỗ lực giúp tất cả học sinh khi ra trường trung học đều có cơ hội trước nhiều lựa chọn khác nhau, như học tiếp lên đại học, học ngành kỹ thuật hoặc có nghề chuyên môn. Để có cơ hội lựa chọn cho mình một hướng đi, học sinh cần phải nắm vững kiến thức trong các môn học chính dựa theo tiêu chuẩn của tiểu bang và phải thông thạo tiếng Anh. Điều này sẽ giúp học sinh được học những môn khó ở bậc trung học và tốt nghiệp trung học để sẵn sàng lên đại học hoặc theo đuổi những nghề chuyên môn.

Số học sinh trong lớp

Biểu đồ dưới đây trình bày dữ liệu trong 3 năm về số học sinh trung bình trong lớp và bảng dưới đây trình bày dữ liệu trong 3 năm về số lớp học tính theo số học sinh trong lớp.

Sự phân bổ học sinh trong lớp: Số học sinh trung bình trong lớp — So sánh dữ liệu trong 3 năm qua

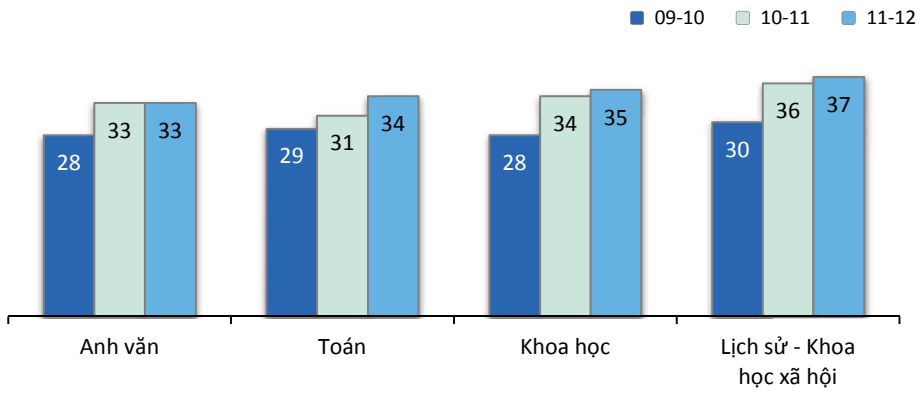

Sự phân bổ học sinh trong lớp: Số lớp học tính theo môn học — So sánh dữ liệu trong 3 năm qua

	09-10			10-11			11-12		
Môn học	**1-22**	**23-32**	**33+**	**1-22**	**23-32**	**33+**	**1-22**	**23-32**	**33+**
Anh văn-Ngữ văn	35	60	62	2	74	61	3	61	80
Toán	32	54	62	4	74	60	6	58	60
Khoa học	22	60	37	8	12	82	0	37	65
Lịc sử - Khoa học xã hội	12	55	37	2	14	80	2	20	71

Học sinh ghi danh và thành phần sắc dân

Tổng số học sinh: 2,367 học sinh (năm học 2012-2013)

Thành phần học sinh — Năm học 2012-13

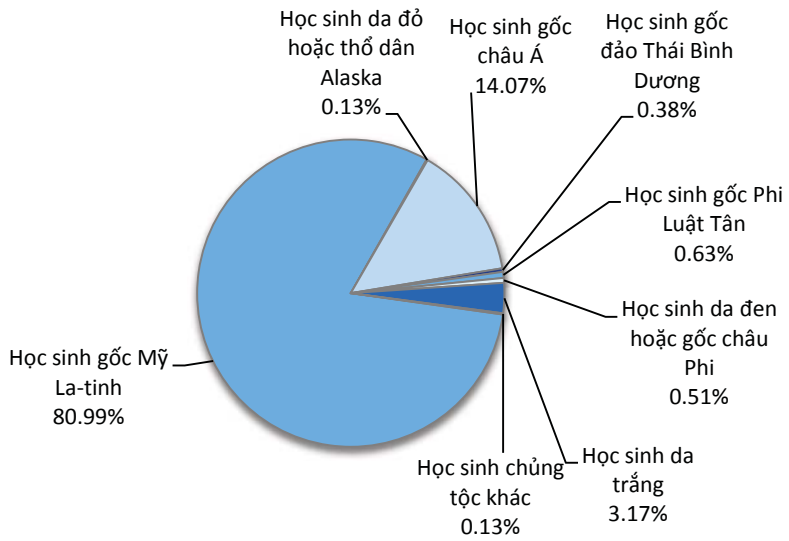

Sự an toàn ở trường

Duy trì môi trường an toàn và có trật tự là rất cần thiết cho việc học. Tất cả các trường trong khu học chánh đều đóng kín cổng và khách đến thăm phải lập tức ghi tên tại văn phòng trường trước khi bước chân vào khuôn viên trường. Việc ra vào trường do ban giám hiệu, các giáo viên, chuyên viên tư vấn và nhân viên phụ trách an toàn trường giám sát.

Tất cả các trường đều lập các uỷ ban bảo vệ an toàn cho trường, vạch kế hoạch bảo vệ đầy đủ chi tiết, và duyệt và cập nhật hoá kế hoạch vào mỗi đầu năm học. Những kế hoạch này gồm kế hoạch và biện pháp đối phó khi khẩn cấp, các báo động của Bộ Nội An, nội quy của trường và các quy định về trang phục của học sinh.

Uỷ ban bảo vệ an toàn cho trường bao gồm nhân viên ban giảng huấn và nhân viên hành chánh, họp với nhau để bàn việc bảo vệ học sinh và nhân viên trường. Vào đầu năm học, nhà trường phát cho phụ huynh và học sinh các tài liệu hướng dẫn khi có động đất. Việc tập phòng cháy được tổ chức tại trường tiểu học mỗi tháng, tại trường trung học cấp 1 ít nhất 4 lần trong năm, và tại trường trung học cấp 2 không dưới 2 lần trong năm. Việc tập ẩn núp được tổ chức tại trường tiểu học mỗi mùa học và tại trường trung học cấp 1 và cấp 2 ít nhất mỗi học kỳ một lần. Mỗi năm, tất cả trường thực tập một buổi cấm cổng toàn trường.

Đuổi học tạm thời và đuổi luôn

Bảng này cho thấy tỷ lệ học sinh bị đuổi học tạm thời và bị đuổi luôn (tổng số vụ xảy ra chia cho tổng số học sinh trong trường) trong khoảng thời gian ba năm gần đây nhất.

Tỷ lệ học sinh bị đuổi học tạm thời và đuổi luôn

Trường			
	09-10	**10-11**	**11-12**
Tỷ lệ bị đuổi học tạm thời	0.372	0.124	0.100
Tỷ lệ bị đuổi luôn	0.000	0.001	0.002
Khu học chánh			
	09-10	**10-11**	**11-12**
Tỷ lệ bị đuổi học tạm thời	0.248	0.093	0.092
Tỷ lệ bị đuổi luôn	0.002	0.001	0.001

Tình hình bảo quản tốt phòng ốc của trường (Năm học 2012-13)

Tình hình bảo quản tốt phòng ốc của trường			Năm học 2012-13
Các hạng mục được kiểm tra	**Tình trạng bảo quản**	**Các hạng mục được kiểm tra**	**Tình trạng bảo quản**
Các hệ thống	Tốt	**Phòng vệ sinh/Vòi nước uống**	Tốt
Thuộc bên trong	Tốt	**Sự an toàn**	Tốt
Tình trạng sạch sẽ	Tốt	**Thuộc về cấu trúc**	Tốt
Thuộc về điện	Tốt	**Thuộc bên ngoài**	Tốt
Tóm lược tổng quát tình trạng phòng ốc		Tốt	
Ngày kiểm tra trường và hoàn tất mẫu FIT gần đây nhất		17 tháng Bảy năm 2012	

Phòng ốc của trường

Khu học chánh Garden Grove hãnh diện đã bảo quản tốt phòng ốc, giúp ích cho việc dạy và học. Ban vệ sinh trường và ban bảo trì của khu học chánh lập ra một hệ thống kiểm tra nhằm bảo đảm tất cả mọi chỗ đều sạch sẽ, an toàn, được giữ kỹ và bảo quản tốt. Tất cả phòng học, sân chơi và nơi làm việc cho nhân viên đều đạt đúng quy định về sức chứa của Bộ luật Giáo dục.

Hội đồng Giáo dục đã lập ra một chương trình bảo quản 5 năm để nâng cấp trường lớp, trong khi đó các dự án sửa sang lớn sẽ được chuẩn thuận hàng năm khi có nhu cầu. Đội phụ trách tẩy xoá hình chữ vẽ bậy trực thuộc khu học chánh giúp giữ cho trường lớp sạch đẹp.

Trường trung học cấp 2 Santiago khai khoá vào năm 1960. Trường có 62 phòng học cố định và 17 phòng học tiền chế. Ngoài ra, trường có thư viện, 4 phòng thực tập máy điện toán, xưởng mộc, lớp dạy sửa xe, phòng tập thể dục, sân chơi thể thao, 2 hồ bơi và phòng ăn tự phục vụ.

Những chương trình tu sửa vừa hoàn tất gần đây tại trường gồm có sơn và tân trang lại sàn của phòng tập thể hình.

Vào tháng Sáu năm 2010, cư dân trong khu học chánh GGUSD bỏ phiếu thuận cho Đạo luật A cho phép khu học chánh được phát hành công khố phiếu trị giá 250 triệu Mỹ kim và giúp khu học chánh đạt tiêu chuẩn nhận được tối đa 200 triệu Mỹ kim tương ứng bằng công khố phiếu của tiểu bang cho các dự án sửa chữa, nâng cấp và hiện đại hóa hệ thống cơ sở hạ tầng. Khu học chánh được tài trợ thêm 47 triệu Mỹ kim, nâng tổng số ngân khoản của Đạo luật A lên đến 503 triệu Mỹ kim để sử dụng trong vòng 7 đến 8 năm để hoàn tất những dự án do công khố phiếu tài trợ.

Tiền công khố phiếu, cộng với tiền tài trợ tương ứng của tiểu bang đang trang trải cho nhiều công trình như thay mới hệ thống điện, hệ thống nước, hệ thống đèn, mái nhà, hệ thống liên lạc nội bộ và hệ thống phòng cháy; giúp sử dụng năng lượng hữu hiệu hơn; thay cửa ra vào, cửa sổ và các hệ thống sưởi và thông gió lỗi thời; thay các tấm lót an toàn trên sân chơi; nâng cấp hệ thống viễn thông để đáp ứng kỹ thuật đương thời; thay hệ thống nước, gạch và các vật dụng trong phòng vệ sinh; sửa đổi trường lớp để người khuyết tật lui tới dễ dàng hơn; chôn các đường dẫn ngầm để chuẩn bị cho việc kỹ thuật phát triển sau này; thay thảm mới; sơn lại bên trong và ngoài trường; và lắp hệ thống ống dẫn khí đốt ngầm mới.

Mười hai trường (gồm trường trung cấp Bell, các trường tiểu học Brookhurst, Eisenhower, Enders, Excelsior, Garden Park, Heritage, Monroe, Northcutt, Simmons, Wakeham và Woodbury) là những trường đầu tiên được khởi xướng các công trình tổng cộng 24 triệu Mỹ kim vào mùa hè vừa qua. Vì một số dự án quá lớn không đủ thời gian hoàn tất vào mùa hè hay vào ngày nghỉ nên học sinh được dời đến những lớp học tạm thời trong trường hoặc đến những lớp tương tự tại trường khác gần đó trong thời gian xây dựng. Ba trường trong "giai đoạn 1", gồm các trường tiểu học Garden Park và Monroe và trường trung cấp Bell, đã dời đến những trường lân cận trong năm học 2012-13. Trường Garden Park dời đến trường tiểu học Patton, trường Monroe dời đến trường tiểu học Northcutt, và tất cả chương trình tại trường trung cấp Bell dời đến trung tâm giáo dục Chapman Hettinga. Chương trình giáo dục cho người lớn tại Chapman Hettinga dời đến cơ sở tạm tại Lincoln Education Center.

Muốn biết thêm thông tin, xin gọi Public Information Office (văn phòng thông tin công cộng) của khu học chánh ở số (714) 663-6503, hoặc ghé trang nhà của GGUSD tại địa chỉ www.ggusd.us để có đường dẫn đến 'Measure A', hoặc ghé vào trực tiếp tại www.ggusd.us/measurea.html.

Tình hình bảo quản tốt phòng ốc của trường (Năm học 2012-13)

Bảng này tóm lược kết quả kiểm tra gần đây nhất về tình trạng sân bãi, phòng ốc và phòng vệ sinh của trường. Trường dùng mẫu Facilities Inspection Tool (Mẫu kiểm tra phòng ốc, viết tắt là FIT) để xem xét những hạng mục liệt kê trong bảng dưới đây có được "bảo trì tốt" tại trường hay không. Phụ huynh có thể nói chuyện với hiệu trưởng để biết thêm chi tiết về tình trạng phòng ốc của trường.

Những hạng mục phòng ốc của trường được kiểm tra (Năm học 2012-13)

Sau đây là danh sách những hạng mục được kiểm tra trong lần kiểm tra gần đây nhất tại trường.

- **Các hệ thống:** hệ thống và ống dẫn khí đốt, hệ thống cống rãnh, hệ thống máy móc (máy sưởi, máy thông gió và máy điều hoà không khí)
- **Thuộc bên trong:** các bề mặt bên trong (sàn, trần, tường và khung cửa sổ)
- **Tình trạng sạch sẽ:** ngăn ngừa chuột bọ/sâu mọt, tình trạng sạch sẽ tổng quát (sân trường, phòng ốc và các khu vực chung)
- **Thuộc về điện:** hệ thống điện (bên trong và bên ngoài)
- **Phòng vệ sinh/Vòi nước uống:** phòng vệ sinh, bồn nước/vòi nước uống (bên trong và bên ngoài)
- **Sự an toàn:** dụng cụ chữa cháy, hệ thống báo động khẩn cấp, vật liệu nguy hiểm (bên trong và bên ngoài)
- **Thuộc về cấu trúc:** tình trạng cấu trúc, mái nhà
- **Thuộc bên ngoài:** cửa sổ, cửa ra vào, cổng, hàng rào/sân chơi, sân trường

Các chương trình của trường

Khu học chánh nhận được thêm tài trợ cho một số dịch vụ và chương trình đặc biệt. Trong số đó có những chương trình hiện có tại trường như sau:

- Chương trình cá nhân quyết tâm thăng tiến (AVID)
- Các chương trình dành cho học sinh đang học Anh ngữ:
  - Chương trình tài trợ cho các dịch vụ giáo dục dành cho học sinh nghèo hoặc bị giới hạn Anh ngữ
  - Chương trình giúp học sinh yếu Anh ngữ (Title III)
- Chương trình giáo dục đặc biệt
- Chương trình giúp học sinh nghèo thu hẹp khoảng cách giáo dục (Title I)
- Các chương trình học thêm giờ và học hè:
  - Các lớp kèm học sinh gặp trở ngại học hành sau giờ học
  - Các lớp phát triển Anh ngữ sau giờ học
  - Chương trình học hè
- Chương trình quân sự trừ bị học đường ngành bộ binh
- Chương trình an toàn và thăng tiến trong thế kỷ 21 (ASSETS) của hội Boys and Girls Club tại Garden Grove
- Chương trình tài trợ cho các dịch vụ giáo dục dành cho học sinh nghèo hoặc đang học Anh ngữ

Sách giáo khoa và học liệu hay, mới và có sẵn

Dưới đây là danh sách sách giáo khoa các môn chính đang sử dụng tại trường và năm được chọn.

Danh sách sách giáo khoa và học liệu — **Năm học 2012-13**

Môn học	Được chọn	Mới được Bộ giáo dục tiểu bang hoặc Hội đồng giáo dục địa phương chấp thuận
Anh ngữ	2002-03	Có*+
Toán: Chuẩn bị học đại số	2008-09	Có
Toán: Đại số 1	2008-09	Có
Toán: Đại số và Lượng giác học	2008-09	Có
Toán: Hình học	2008-09	Có**
Toán: Đại số 2	2008-09	Có**
Toán: Tiền giải tích	2008-09	Có**
Toán: Tất cả các môn khác	2000-01	Có*
Lịch sử/Khoa học xã hội	2006-07	Có
Khoa học	2007-08	Có
Nghệ thuật tạo hình/Nghệ thuật trình diễn	2007-08	---
Ngoại ngữ	2007-08++	---
Giáo dục sức khoẻ	2007-08	---

Ghi chú: Dữ liệu về sách giáo khoa và học liệu do khu học chánh thâu thập và kiểm chứng vào tháng Chín năm 2012

* Dự luật Omnibus Education Trailer Bill bổ sung cho Đạo luật Ngân sách năm 2009 đình chỉ việc đòi hỏi phải mua học liệu mới chọn cho tới năm học 2013-14 và hoãn lại chu kỳ chọn học liệu cho cùng thời điểm trên.

** Sách giáo khoa môn Hình học, Đại số 2, và Tiền giải tích ở các trường trung học sẽ được đưa vào sử dụng trong năm học 2011-12 khi có ngân sách.

\+ Sách giáo khoa chương trình Intensive Reading Intervention (kèm học sinh yếu môn đọc) và English Language Development (kèm Anh ngữ) đã được chọn trong năm học 2009-10.

++ Chỉ có tiếng Tây Ban Nha và tiếng Việt.

Sách giáo khoa và học liệu hay, mới và có sẵn

Sách giáo khoa từ lớp mẫu giáo đến lớp 8 các môn Anh ngữ, toán, lịch sử-khoa học xã hội, giáo dục sức khoẻ, ngoại ngữ, nghệ thuật tạo hình-trình diễn, và khoa học đã được chọn dựa theo sách đã được Bộ giáo dục tiểu bang chuẩn thuận. Hội đồng giáo dục Khu học chánh Garden Grove tự chọn sách giáo khoa từ lớp 9 đến lớp 12 các môn nêu trên. Sách giáo khoa từ lớp mẫu giáo đến lớp 12 các môn toán, lịch sử-khoa học xã hội, khoa học, Anh ngữ gồm môn đọc hiểu, và ngoại ngữ đều theo sát tiêu chuẩn nội dung đã được tiểu bang chọn và theo sát khuôn khổ của tiểu bang hay quốc gia theo lịch trình áp dụng của tiểu bang. Môn giáo dục sức khoẻ sẽ được chọn cho lớp mẫu giáo đến lớp 6 khi các tiêu chuẩn được Bộ giáo dục tiểu bang chấp thuận.

Tất cả học sinh trong Khu học chánh Garden Grove, kể cả học sinh đang học Anh ngữ, đều có đầy đủ sách giáo khoa và học liệu, kể cả dụng cụ phòng thí nghiệm khoa học cho lớp 9 đến lớp 12, trong tình trạng mới và tốt đúng theo các quy định của Bộ luật Giáo dục. Mỗi học sinh đều được cung cấp đầy đủ sách giáo khoa và học liệu để dùng trong trong lớp và mang về nhà.

Kết quả STAR cho tất cả học sinh

Kết quả kiểm tra và tường trình theo tiêu chuẩn (Standardized Testing and Reporting, viết tắt là STAR) được đánh giá và so sánh với tiêu chuẩn của tiểu bang theo 5 trình độ sau đây: **Giỏi** (Advanced, là vượt tiêu chuẩn tiểu bang), **Khá** (Proficient, là đạt tiêu chuẩn tiểu bang), **Trung bình** (Basic), **Kém** (Below Basic), và **Yếu** (Far Below Basic). Học sinh nào đạt trình độ Khá hoặc Giỏi thì đạt tiêu chuẩn của tiểu bang trong môn đó. Những bảng này cho thấy tỷ lệ học sinh đạt trình độ Khá hoặc Giỏi trong môn Anh ngữ, toán, khoa học và lịch sử-Khoa học xã hội

Số học sinh đạt trình độ Khá hoặc Giỏi — **So sánh dữ liệu trong 3 năm qua**

	Trường			Khu học chánh			California		
Môn học	**09-10**	**10-11**	**11-12**	**09-10**	**10-11**	**11-12**	**09-10**	**10-11**	**11-12**
Anh ngữ	39%	42%	43%	53%	55%	57%	52%	54%	56%
Toán	17%	22%	22%	56%	59%	60%	48%	50%	51%
Khoa học	37%	47%	51%	59%	64%	66%	54%	57%	60%
Lịch sử-Khoa học xã hội	45%	45%	52%	53%	55%	58%	44%	48%	49%

Kết quả STAR theo nhóm học sinh: Anh ngữ, Toán, Khoa học và Lịch sử-Khoa học xã hội

Số học sinh đạt trình độ Khá hoặc Giỏi — **Kết quả học kỳ mùa xuân năm 2012**

Nhóm	Anh ngữ	Toán	Khoa học	Lịch sử-Khoa học xã hội
Tất cả học sinh trong khu học chánh	57%	60%	66%	58%
Tất cả học sinh trong trường	43%	22%	51%	52%
Nam	41%	24%	53%	56%
Nữ	45%	20%	50%	49%
Học sinh da đen hoặc gốc châu Phi	❖	❖	❖	❖
Học sinh đa đỏ hoặc thổ dân Alaska	❖	❖	❖	❖
Học sinh gốc châu Á	70%	53%	80%	80%
Học sinh gốc Phi Luật Tân	❖	❖	❖	❖
Học sinh gốc Mỹ La-tinh	38%	16%	45%	47%
Học sinh thổ dân Hạ Uy Di hoặc gốc đảo Thái Bình Dương	❖	❖	❖	❖
Học sinh da trắng	39%	28%	67%	51%
Học sinh thuộc hai hoặc nhiều hơn hai giống dân	❖	❖	❖	❖
Học sinh nghèo	42%	21%	51%	51%
Học sinh đang học Anh ngữ	13%	11%	19%	20%
Học sinh khuyết tật	17%	6%	15%	15%
Học sinh nhận dịch vụ chuyển trường theo cha mẹ	❖	❖	❖	❖

❖ Kết quả sẽ không được công bố nếu chỉ có 10 hay dưới 10 học sinh dự kiểm tra, vì số học sinh tham gia ít ỏi sẽ dẫn đến kết quả thống kê không chính xác hoặc vì nhằm để giữ kín danh tánh học sinh.

Chương trình kiểm tra và tường trình theo tiêu chuẩn

Chương trình kiểm tra và tường trình theo tiêu chuẩn (Standardized Testing and Reporting, viết tắt là STAR) nhằm tìm ra điểm mạnh và yếu để giúp học sinh cải tiến việc học. STAR bao gồm 4 cuộc kiểm tra chính dựa theo tuổi tác và nhu cầu riêng của học sinh, gồm có: Trắc nghiệm theo tiêu chuẩn California (California Standards Test, viết tắt là CST), Cách đánh giá được cải biên của California (California Modified Assessment, viết tắt là CMA), và Cách đánh giá năng lực tương đương của California (California Alternate Performance Assessment, viết tắt là CAPA).

CST gồm các bài thi theo phương cách chọn câu trả lời đúng nhất trong các môn Anh ngữ, toán, khoa học, và lịch sử-khoa học xã hội ở các cấp lớp khác nhau. Ở một số cấp lớp còn có bài thi viết luận văn. Trắc nghiệm CST nhằm để xem học sinh có đạt tiêu chuẩn giáo dục của California (California Academic Content Standards) hay không. Những tiêu chuẩn này bao gồm kiến thức và năng lực mà học sinh phải đạt được ở mỗi cấp lớp và trong từng môn học.

CMA là cách đánh giá được cải biên cho phù hợp với học sinh khuyết tật thuộc chương trình giáo dục cá nhân (individualized education program, viết tắt là IEP), nhằm đánh giá khả năng của học sinh mà vì khuyết tật đã không đạt trình độ theo cấp lớp so với tiêu chuẩn giáo dục dù có được tạo điều kiện thích hợp hay không.

CAPA là cách đánh giá tương đương dành cho học sinh thiếu khả năng nhận thức trầm trọng nên đã không làm nổi bài trắc nghiệm CST dù được tạo điều kiện hay cải biên cho thích hợp, hoặc trắc nghiệm CMA dù được tạo điều kiện thích hợp.

Muốn biết thêm về chương trình STAR bao gồm các trắc nghiệm, sự tham gia, nhóm tham gia, và trình độ theo cấp lớp, xin vào http://star.cde.ca.gov/.

Chỉ số học lực

Chỉ số học lực (Academic Performance Index, viết tắt là API) là sự thẩm định hàng năm về học lực và mức tiến triển của các trường trong tiểu bang California. Chỉ số API dựa trên thang điểm từ 200 đến 1000. Chỉ số này cho thấy trình độ học lực của trường, khu học chánh và nhóm học sinh dựa trên kết quả kiểm tra toàn tiểu bang. 800 điểm là mục tiêu ấn định cho toàn tiểu bang.

Chu kỳ báo cáo chỉ số học lực (API) hàng năm gồm có báo cáo chỉ số API căn bản (Base) và chỉ số API tiến triển (Growth). Chỉ số API căn bản khởi đầu chu kỳ báo cáo và kết quả được công bố khoảng một năm sau kỳ trắc nghiệm (ví dụ chỉ số API căn bản năm 2011 được tính theo kết quả trắc nghiệm vào mùa xuân 2011 nhưng cho tới tháng Năm 2012 kết quả mới được công bố). Chỉ số API tiến triển cũng tính kết quả như chỉ số API căn bản nhưng sử dụng kết quả trắc nghiệm của năm theo sau đó (ví dụ chỉ số API tiến triển năm 2012 được tính theo kết quả trắc nghiệm vào mùa xuân 2012 và công bố vào tháng chín năm 2012). Năm của chỉ số API đi cùng với năm trắc nghiệm. Do đó, cho chu kỳ 2011-12, chỉ số API căn bản năm 2011 và chỉ số API tiến triển năm 2012 được dùng. Để tính xem chỉ số API của trường thay đổi như thế nào trong năm học 2011-12 thì lấy chỉ số API tiến triển năm 2012 trừ đi chỉ số API căn bản năm 2011. Bản báo cáo chỉ số API căn bản bao gồm chỉ số API căn bản, mục tiêu và thứ hạng. Bản báo cáo API tiến triển bao gồm chỉ số API tiến triển, mức tiến triển đã đạt, và mục tiêu có đạt hay không.

Muốn biết thêm thông tin, xin ghé vào www.cde.ca.gov/ta/ac/ap/documents/infoguide12.pdf để có tài liệu hướng dẫn về API (API Information Guide) và vào www.cde.ca.gov/ta/ac/ay/documents/overview12.pdf để có tài liệu tổng quát về API.

Phân hạng API

Phân hạng API — So sánh trong 3 năm

	2009	2010	2011
Phân hạng API so với toàn tiểu bang	5	4	5
Phân hạng API so với trường tương đương	9	4	8

Đánh giá API

Chỉ tường trình dữ liệu đánh giá cho những nhóm có số lượng đáng kể. Để được xem là có số lượng đáng kể về chỉ số API, nhóm phải có một trong hai điều sau đây: (1) có tối thiểu 50 học sinh đạt điểm hợp lệ chương trình STAR và chiếm ít nhất 15% tổng số điểm hợp lệ chương trình STAR, hoặc (2) có tối thiểu 100 học sinh đạt điểm hợp lệ chương trình STAR.

Phân hạng API

Các trường học được sắp hạng theo 10 hạng mục cùng cỡ, gọi là deciles (thập phân vị), từ 1 (thấp nhất) đến 10 (cao nhất) dựa theo báo cáo về API căn bản của trường. Mức "phân hạng API so với toàn tiểu bang" của trường so sánh chỉ số API của trường với chỉ số API của tất tả các trường trên toàn tiểu bang theo cùng loại trường (tiểu học, trung học cấp 1, hoặc trung học cấp 2). Mức "phân hạng API so với trường tương đương" so sánh với trường với 100 trường khác có cùng đặc tính thống kê. Bảng này cho thấy dữ liệu phân hạng API so với toàn tiểu bang và phân hạng API so với trường tương đương của trường trong 3 năm, với số liệu có được.

Sự gia tăng chỉ số API theo nhóm học sinh

Bảng này cho thấy, dựa theo nhóm học sinh, chỉ số API tiến triển 2012 tại cấp trường, khu học chánh và tiểu bang, theo sau là chỉ số API thật sự thay đổi dựa theo điểm được thêm vào hay mất đi trong ba năm qua.

Sự gia tăng chỉ số API theo nhóm học sinh — Chỉ số API tiến triển 2012 và sự so sánh trong 3 năm

Nhóm	Chỉ số API tiến triển năm 2012						Trường – Chỉ số API thật sự thay đổi		
	Trường		Khu học chánh		California				
	Số học sinh	API tiến triển	Số học sinh	API tiến triển	Số học sinh	API tiến triển	09-10	10-11	11-12
Tất cả học sinh	1,698	749	35,514	821	4,664,264	788	2	21	12
Học sinh da đen hoặc gốc châu Phi	9	■	305	788	313,201	710	■	■	■
Học sinh đa đỏ hoặc thổ dân Alaska	1	■	56	832	31,606	742	■	■	■
Học sinh gốc châu Á	251	884	11,877	911	404,670	905	-7	17	17
Học sinh gốc Phi Luật Tân	8	■	438	884	124,824	869	■	■	■
Học sinh gốc Mỹ La-tinh	1,371	724	18,719	755	2,425,230	740	3	21	14
Học sinh thổ dân Hạ Uy Di hoặc gốc đảo Thái Bình Dương	4	■	260	804	26,563	775	■	■	■
Học sinh da trắng	54	714	3,791	857	1,221,860	853	■	■	■
Học sinh thuộc hai hoặc nhiều hơn hai giống dân	0	■	38	898	88,428	849	■	■	■
Học sinh thuộc hai hoặc nhiều hơn hai giống dân	1,395	743	23,847	798	2,779,680	737	-2	33	9
Học sinh đang học Anh ngữ	1,059	687	21,373	783	1,530,297	716	8	21	14
Học sinh khuyết tật	194	457	3,824	630	530,935	607	-12	0	-47

■ Chỉ tường trình dữ liệu cho những nhóm có số lượng đáng kể.

Mức tiến triển tối thiểu hàng năm

Đạo luật Giúp học sinh học tiến (No Child Left Behind Act, viết tắt là NCLB) bắt buộc tất cả trường học và khu học chánh phải đạt các quy định về Mức tiến triển tối thiểu hàng năm (Adequate Yearly Progress, viết tắt là AYP). Các trường công và khu học chánh tại California phải đạt hoặc vượt tiêu chuẩn trong 4 lãnh vực:

1. Tỷ lệ học sinh tham gia trong các đánh giá toàn tiểu bang trong các môn Anh ngữ và toán
2. Tỷ lệ học sinh đạt mức tiêu chuẩn trong các đánh giá toàn tiểu bang trong các môn Anh ngữ và toán
3. Điểm số API
4. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học

Bảng này cho biết trường và khu học chánh có đạt các tiêu chuẩn AYP trong từng lãnh vực và tiêu chuẩn AYP tổng quát cho năm học 2011-12 hay không. Muốn biết thêm chi tiết, xin vào www.cde.ca.gov/ta/ac/ay/.

Các tiêu chuẩn về Mức tiến triển tối thiểu hàng năm — **Năm học 2011-12**

	Trường		Khu học chánh	
Đạt tiêu chuẩn tổng quát AYP	Không		Không	
Các tiểu chuẩn AYP	**Anh ngữ**	**Toán**	**Anh ngữ**	**Toán**
Tỷ lệ tham gia	Có	Có	Có	Có
Tỷ lệ đạt tiêu chuẩn	Không	Có	Không	Không
Chỉ số API	Có		Có	
Tỷ lệ tốt nghiệp	Có		Có	

Chương trình theo dõi và can thiệp của liên bang

Những trường nào nhận tài trợ cho chương trình Title I phải cải tiến chương trình học (Program Improvement, viết tắt là PI) nếu trường không đạt mức tiến triển tối thiểu hàng năm trong 2 năm liên tiếp trong cùng môn học (Anh ngữ hoặc toán) hoặc trên cùng chỉ số (API hoặc tỷ lệ tốt nghiệp). Mức độ can thiệp sẽ tăng lên mỗi năm mà trường không đạt mục tiêu AYP. Muốn biết thêm chi tiết, xin vào www.cde.ca.gov/ta/ac/ay.

Chương trình theo dõi và can thiệp của liên bang — **Năm học 2012-13**

	Trường	Khu học chánh
Tình hình cải tiến chương trình học	Phải cải tiến chương trình học	Phải cải tiến chương trình học
Giai đoạn 1 cải tiến chương trình học	2010-11	2008-09
Số năm cải tiến chương trình học	Giai đoạn 3	Giai đoạn 3
Tổng số trường phải cải tiến chương trình học		46
Tỷ lệ trường phải cải tiến chương trình học		68.7%

Kiểm tra về thể lực của California

Chỉ có học sinh các lớp 5, 7, và 9 phải dự kỳ Kiểm tra về thể lực của California (California Physical Fitness Test). Bảng này cho thấy tỷ lệ học sinh ở mỗi cấp lớp đạt được các tiêu chuẩn về thể lực trong lần kiểm tra gần đây nhất. Để biết thêm chi tiết về cuộc kiểm tra này, và để so sánh kết quả của trường với kết quả của khu học chánh và của tiểu bang, xin vào địa chỉ www.cde.ca.gov/ta/tg/pf/.

Xin lưu ý rằng kết quả sẽ không được công bố nếu chỉ có 10 hay dưới 10 học sinh dự kiểm tra, vì số học sinh tham gia ít ỏi sẽ dẫn đến kết quả thống kê không chính xác hoặc vì nhằm để giữ kín danh tánh học sinh. Sẽ không có việc kết quả của bất cứ nhóm nào khi công bố mà cố ý hay vô tình để lộ kết quả hoặc khả năng của bất cứ một cá nhân học sinh nào.

Tỷ lệ học sinh đạt tiêu chuẩn về thể lực

Năm học 2011-12	
Lớp 9	
Bốn trong số 6 tiêu chuẩn	26.40%
Năm trong số 6 tiêu chuẩn	23.60%
Sáu trong số 6 tiêu chuẩn	32.20%

Kết quả Thi tốt nghiệp trung học California

Bản này cho thấy tỷ lệ học sinh đạt trình độ Khá hoặc Giỏi trong khoảng thời gian 3 năm gần đây nhất. Lưu ý: Điểm tối thiểu để đạt trình độ Khá khác với điểm đậu bài thi tốt nghiệp trung học.

Số học sinh đạt trình độ Khá hoặc Giỏi — So sánh dữ liệu trong 3 năm qua

	Anh ngữ			Toán		
	09-10	10-11	11-12	09-10	10-11	11-12
Trường	43%	51%	44%	44%	47%	52%
Khu học chánh	55%	63%	56%	59%	61%	63%
California	54%	59%	56%	54%	56%	58%

Kết quả Thi tốt nghiệp trung học California

Kỳ thi tốt nghiệp trung học California (California High School Exit Exam, viết tắt là CAHSEE) được chủ yếu dùng làm điều kiện tốt nghiệp. Học sinh thi lần đầu vào năm lớp 10 và có thể thi lại nhiều lần nếu không đậu lần đầu. Các kết quả thi năm lớp 10 cũng được dùng để tính điểm AYP của trường trung học theo quy định của luật NCLB của liên bang. Kỳ thi CAHSEE có 2 phần: Anh ngữ và Toán. Nhằm để tính điểm AYP, có 3 trình độ được đặt ra là: Giỏi (Advanced), Khá (Proficient), và Không đạt (Not Proficient).

Kết quả Thi tốt nghiệp trung học California theo nhóm: môn Anh ngữ và Toán (năm học 2011-12)

Bảng này cho thấy tỷ lệ học sinh, được chia theo nhóm, đạt mức điểm theo từng trình độ trong môn Anh ngữ và Toán trong kỳ thi gần đây nhất.

Số học sinh đạt điểm ở từng trình độ — Năm học 2011-12

	Anh ngữ			Toán		
Nhóm	Không đạt	Khá	Giỏi	Không đạt	Khá	Giỏi
Tất cả học sinh trong khu học chánh	44%	25%	31%	37%	39%	24%
Tất cả học sinh trong trường	56%	22%	23%	48%	40%	12%
Nam	62%	18%	21%	49%	39%	12%
Nữ	50%	26%	25%	48%	40%	12%
Học sinh da đen hoặc gốc châu Phi	❖	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh đa đỏ hoặc thổ dân Alaska	❖	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh gốc châu Á	29%	20%	51%	17%	49%	34%
Học sinh gốc Phi Luật Tân	❖	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh gốc Mỹ La-tinh	61%	22%	17%	54%	38%	8%
Học sinh thổ dân Hạ Uy Di hoặc gốc đảo Thái Bình Dương	❖	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh da trắng	52%	14%	33%	48%	38%	14%
Học sinh thuộc hai hoặc nhiều hơn hai giống dân	❖	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh nghèo	58%	20%	22%	49%	40%	11%
Học sinh đang học Anh ngữ	88%	10%	2%	74%	26%	1%
Học sinh khuyết tật	96%	3%	1%	88%	11%	1%
Học sinh nhận dịch vụ chuyển trường theo cha mẹ	❖	❖	❖	❖	❖	❖

❖ Kết quả sẽ không được công bố nếu chỉ có 10 hay dưới 10 học sinh dự kiểm tra, vì số học sinh tham gia ít ỏi sẽ dẫn đến kết quả thống kê không chính xác hoặc vì nhằm để giữ kín danh tánh học sinh

Hội đủ điều kiện tốt nghiệp trung học

Bảng này cho thấy tỷ lệ học sinh (bắt đầu học lớp 12 vào đầu năm học 2011-12) đã hội đủ điều kiện tốt nghiệp của địa phương để được nhận bằng tốt nghiệp trung học, bao gồm việc đậu cả hai phần Anh ngữ và Toán của kỳ thi CAHSEE hoặc đã nhận được giấy miễn thi của địa phương hoặc tiểu bang. Xin lưu ý rằng chưa có kết quả của tiểu bang. Muốn biết thêm chi tiết, xin vào www.cde.ca.gov/ta/tg/hs.

Hội đủ điều kiện tốt nghiệp trung học — Lớp tốt nghiệp vào năm 2012

Nhóm	Trường	Khu học chánh
Tất cả học sinh	77.30%	80.03%
Học sinh da đen hoặc gốc châu Phi	❖	84.62%
Học sinh đa đỏ hoặc thổ dân Alaska	❖	❖
Học sinh gốc châu Á	80.61%	83.37%
Học sinh gốc Phi Luật Tân	❖	84.91%
Học sinh gốc Mỹ La-tinh	75.84%	76.69%
Học sinh thổ dân Hạ Uy Di hoặc gốc đảo Thái Bình Dương	❖	85.42%
Học sinh da trắng	82.61%	83.27%
Học sinh thuộc hai hoặc nhiều hơn hai giống dân	❖	❖
Học sinh nghèo	80.46%	81.59%
Học sinh đang học Anh ngữ	60.54%	56.03%
Học sinh khuyết tật	61.76%	49.85%

Tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ bỏ học

Bảng này trình bày tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ bỏ học trong thời gian 3 năm gần đây nhất với dữ liệu có được. Xin lưu ý rằng, phương cách mới để tính tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ bỏ học đã được áp dụng cho những học sinh tốt nghiệp năm 2010. Không nên so sánh những con số này với những năm trước. Muốn biết thêm thông tin, xin ghé vào: www2.ed.gov/policy/elsec/guid/hsgrguidance.pdf.

Tỷ lệ tốt nghiệp và Tỷ lệ bỏ học — So sánh dữ liệu trong 3 năm qua

	Tỷ lệ tốt nghiệp			Tỷ lệ bỏ học		
	08-09	09-10	10-11	08-09	09-10	10-11
Trường	⌘	84.79%	90.19%	⌘	14.00%	8.30%
Khu học chánh	⌘	83.41%	85.93%	⌘	14.00%	10.70%
California	⌘	74.72%	76.26%	⌘	16.6%	14.4%

❖ Kết quả sẽ không được công bố nếu chỉ có 10 hay dưới 10 học sinh dự kiểm tra, vì số học sinh tham gia ít ỏi sẽ dẫn đến kết quả thống kê không chính xác hoặc vì nhằm để giữ kín danh tánh học sinh.

⌘ Ở đây không có đăng tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ bỏ học cho năm 2008-09 vì năm đó được tính bằng phương cách khác và do đó không thể so sánh với những con số được tính bằng phương cách mới.

Các môn học trình độ cao

Sau đây là danh sách các lớp trình độ cao (advanced placement – AP) theo thứ tự môn học tại trường.

Các môn học trình độ cao	
Năm học 2011-12	
Tỷ lệ học sinh ghi danh vào các lớp trình độ cao	6.0%
Số lớp trình độ cao có tại trường	29
Số lớp trình độ cao theo môn học	
Khoa học điện toán	0
Anh ngữ	7
Mỹ thuật và Nghệ thuật trình diễn	1
Ngoại ngữ	6
Toán	4
Khoa học	3
Khoa học xã hội	8

Các môn bắt buộc để nhập học hệ thống UC/CSU (2011-12)

Bảng này cho thấy 2 tiêu chuẩn đánh giá liên quan đến các môn bắt buộc ở trường để được nhập học hệ thống University of California (viết tắt là UC) và/hoặc hệ thống California State University (viết tắt là CSU) trong năm học gần nhất với dữ liệu có được. Muốn biết thêm chi tiết, mời vào http://dq.cde.ca.gov/dataquest/.

Dữ liệu về việc nhập học hệ thống UC/CSU	
Điều kiện nhập học năm học 2011-12	
Tỷ lệ học sinh học các môn bắt buộc để được nhập học hệ thống UC/CSU	70.11%
Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học đã hoàn tất tất cả các môn bắt buộc để nhập học hệ thống UC/CSU	48.86%

Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học đã hoàn tất tất cả các môn bắt buộc để nhập học hệ thống UC/CSU

University of California: Điều kiện nhập học hệ thống University of California (viết tắt là UC) tuân thủ các nguyên tắc đề ra trong Kế hoạch tổng thể (Master Plan), theo đó quy định rằng 1 phần 8 học sinh đứng đầu danh sách tốt nghiệp trung học, và học sinh chuyển tiếp sau khi hoàn tất những lớp bắt buộc tại đại học hệ hai năm sẽ đạt tiêu chuẩn nhập học hệ thống UC. Điều này nhằm bảo đảm tất cả học sinh khi đạt tiêu chuẩn thì đã có sự chuẩn bị sẵn sàng để học bậc đại học.

Muốn biết thêm về điều kiện nhập học, xin vào trang nhà của UC Admissions Information tại www.universityofcalifornia.edu/admissions. (Nguồn thông tin bên ngoài)

California State University: Tiêu chuẩn nhập học hệ thống California State University (viết tắt là CSU) dựa vào 3 yếu tố:

- Những môn bắt buộc tại bậc trung học
- Điểm của lớp thuộc những môn bắt buộc và điểm thi
- Tốt nghiệp trung học

Một số trường trong hệ thống đòi hỏi tiêu chuẩn cao hơn đối với một số ngành học hoặc với học sinh cư ngụ ngoài vùng địa giới của trường. Vì có nhiều học sinh xin học nên vài trường đặt ra tiêu chuẩn cao hơn (thêm một số đòi hỏi khác) cho tất cả người nộp đơn. Hầu hết các trường trong hệ thống CSU có chủ trương bảo đảm nhận học sinh địa phương, là học sinh tốt nghiệp trung học hoặc chuyển tiếp từ các đại học hệ hai năm trong vùng địa giới của trường. Muốn biết thêm về việc nhập học, nộp đơn, và lệ phí, mời vào trang nhà của CSU tại www.calstate.edu/admission/admission.shtml.

Chương trình hướng nghiệp và huấn nghệ

Chương trình hướng nghiệp và huấn nghệ (Career Technical Education, viết tắt là CTE) của khu học chánh tuân thủ các tiêu chuẩn của tiểu bang, theo đó việc huấn luyện sẽ chú tâm vào việc chuẩn bị học đại học, có tay nghề và tham gia lực lượng lao động. Các lớp thuộc chương trình CTE và huấn nghệ địa phương (Regional Occupational Program, viết tắt là ROP) tạo cơ hội hướng đến nhiều ngành nghề khác nhau. Học viên đạt tín chỉ đại học khi học một số lớp ở trung học vì có sự thoả thuận giữa các trường trung học và đại học.

Tất cả chương trình giảng dạy mới được soạn thảo trong chương trình CTE đều chú tâm hỗ trợ những môn học chính, nhất là các môn Anh ngữ, toán và khoa học. Những lớp này thường cung cấp một vốn từ vựng rất chuyên môn giúp học sinh đọc và viết tiếng Anh ngay bây giờ và trong tương lai, và một cách học độc đáo đầy thực tiễn. Các lớp khoa học, kỹ thuật, Anh ngữ và toán (Science, Technology, English, Math, viết tắt là STEM) đang được thêm vào và chú tâm vào ngành kỹ sư, sử dụng người máy và thiết kế công nghệ. Ngành y khoa cũng được mở rộng với các lớp về y khoa, chữa trị chấn thương liên quan đến thể thao, tiếp tân phòng mạch, và phụ tá phòng mạch. Trong tương lai sẽ có thêm lớp phụ tá dược sĩ để tạo thành một chương trình y khoa giúp học sinh có dịp đi thực tập và đi theo quan sát học nghề.

Các mục tiêu giáo dục của khu học chánh theo sát các chỉ dấu của chương trình NCLB. Chương trình CTE dùng cùng dữ liệu này để thẩm định sự tiến triển của chương trình. Học sinh phải đạt hoặc vượt mức tiêu chuẩn của tiểu bang trong từng hạng mục trong kỳ Thi tốt nghiệp trung học California và Trắc nghiệm theo tiêu chuẩn California trong môn Anh ngữ và toán. Tỷ lệ tốt nghiệp của học sinh lớp 12 cũng là một yếu tố cho học sinh thuộc chương trình hướng nghiệp và huấn nghệ

Nhằm hỗ trợ các chương trình CTE, khu học chánh tổ chức các buổi họp của ban cố vấn huấn nghệ và hướng nghiệp với đại diện của những ngành nghề và cơ sở kinh doanh sau đây:

- Ngân hàng và công ty dịch vụ tài chánh
- Tiệm buôn và tiệm bán lẻ đặc sản
- Quản lý viên và chủ nhà hàng và khách sạn
- Nhà cung cấp thức ăn
- Đầu bếp
- Công ty tiếp thị toàn cầu
- Nhân viên phục vụ khách hàng
- Kế toán viên công chứng
- Cơ sở kinh doanh nhỏ và người làm kinh doanh
- Nhà cung cấp dịch vụ y tế
- Chuyên viên cấp cứu
- Nhân viên phòng mạch
- Nhà mẫu giáo và giữ trẻ
- Chuyên viên điện toán
- Chuyên viên phụ trách mạng điện toán và máy chủ
- Quan toà
- Luật sư
- Kỹ sư
- Giáo sư đại học
- Đại diện sở cảnh sát và sở cứu hoả
- Chuyên viên truyền hình và sản xuất băng hình

Giám đốc chương trình CTE/ROP của khu học chánh là người đại diện chính của uỷ ban này.

Chương trình hướng nghiệp và huấn nghệ

Dưới đây là các lớp thuộc chương trình CTE và ROP hiện có tại trường

- Kỹ thuật sửa xe I, II, III
- CAD Vẽ đồ hoạ trên máy điện toán
- Tiến trình phát triển của trẻ con (UC)
- Hiểu trẻ con
- Căn bản điện toán 1, 2
- Nghệ thuật nấu nướng 1, 2
- Cung cấp thức ăn cho các buổi lễ
- Thiết kế đồ hoạ
- Trình bày trang mạng
- Máy móc dùng trong ngành mộc 1, 2, 3
- Kinh doanh sản phẩm và bán lẻ
- Độ xe hơi
- Thiết kế sản phẩm
- Sử dụng người máy trong công nghiệp
- Thực phẩm chuyên biệt
- Sử dụng nhu liệu SolidWORKS (dùng trong thiết kế 3 chiều)
- Tạo trò chơi điện tử

Tham gia chương trình hướng nghiệp và huấn nghệ

Bảng này cho biết thông tin về việc tham gia vào các chương trình hướng nghiệp và huấn nghệ (CTE) tại trường.

Dữ liệu về chương trình hướng nghiệp và huấn nghệ	
Dữ liệu tham gia năm học 2011-12	
Số học sinh lớp 9-12 tham gia trong chương trình CTE	558
Số học sinh lớp 12 hoàn tất chương trình	23
Tỷ lệ học sinh lớp 12 hoàn tất chương trình CTE và có bằng tốt nghiệp trung học	96%
Tỷ lệ các lớp thuộc chương trình CTE tiếp nối hoặc ăn khớp giữa trường trung học và các trường đại học	30%

Khả năng đảm nhận vai trò của giáo viên

Bảng này chứa thông tin về chứng chỉ sư phạm và khả năng đảm nhận vai trò của giáo viên. Muốn biết thêm chi tiết, xin vào http://data1.cde.ca.gov/dataquest/.

Thông tin về chứng chỉ sư phạm của giáo viên — So sánh dữ liệu trong 3 năm qua

	Khu học chánh	Trường		
Giáo viên	**11-12**	**09-10**	**10-11**	**11-12**
Với chứng chỉ sư phạm thực thụ	1,933	80	83	82
Chưa có chứng chỉ sư phạm thực thụ	17	3	2	1
Dạy ngoài lãnh vực chuyên môn		6	3	3

Giáo viên được bổ nhiệm không đúng chuyên môn và những vị trí còn thiếu giáo viên

Bảng này cho thấy số giáo viên được bổ nhiệm không đúng chuyên môn (nghĩa là được bổ nhiệm mà thiếu sự cho phép đúng luật) và những vị trí còn thiếu giáo viên (nghĩa là khi vào đầu năm học hay vào đầu học kỳ không có giáo viên nào được chỉ định dạy trọn một môn học). Xin lưu ý: Tổng số giáo viên được bổ nhiệm không đúng chuyên môn bao gồm luôn cả giáo viên được bổ nhiệm dạy tiếng Anh không đúng chuyên môn.

Giáo viên được bổ nhiệm không đúng chuyên môn và những vị trí còn thiếu giáo viên — So sánh dữ liệu trong 3 năm qua

	Trường		
	10-11	**11-12**	**12-13**
Giáo viên được bổ nhiệm dạy Anh ngữ không đúng chuyên môn	0	0	0
Tổng số giáo viên được bổ nhiệm không đúng chuyên môn	0	0	0
Những vị trí còn thiếu giáo viên	0	0	0

Các môn chính do giáo viên đạt tiêu chuẩn chương trình Giúp học sinh học tiến giảng dạy

Bảng này cho thấy tỷ lệ các lớp dạy môn chính do giáo viên đạt và không đạt tiêu chuẩn chương trình Giúp học sinh học tiến (NCLB) phụ trách tại trường, tại tất cả trường trong khu học chánh, tại trường có tỷ lệ cao học sinh nghèo, và tại trường có tỷ lệ thấp học sinh nghèo. Muốn biết thêm chi tiết về khả năng đảm nhận vai trò của giáo viên theo quy định của chương trình NCLB, xin ghé vào trang nhà của Hội đồng giáo dục tiểu bang California tại www.cde.ca.gov/nclb/sr/tq/.

Giáo viên đạt tiêu chuẩn chương trình Giúp học sinh học tiến — Năm học 2011-12

	Tỷ lệ các lớp dạy môn chính	
Địa điểm lớp học	**Do giáo viên đạt tiêu chuẩn NCLB phụ trách**	**Do giáo viên không đạt tiêu chuẩn NCLB phụ trách**
Trường này	94.5%	5.5%
Tất cả trường trong khu học chánh	96.7%	3.3%
Những trường trong khu học chánh có tỷ lệ cao về số học sinh nghèo	96.5%	3.5%
Những trường trong khu học chánh có tỷ lệ thấp về số học sinh nghèo	98.4%	1.6%

Ghi chú về chương trình NCLB:

Những trường có tỷ lệ cao học sinh nghèo là những trường có từ 40% trở lên học sinh trong chương trình ăn miễn phí hoặc giảm giá. Những trường có tỷ lệ học sinh nghèo thấp là những trường có từ 25% trở xuống học sinh trong chương trình ăn miễn phí hoặc giảm giá.

Các chuyên viên tư vấn học đường

Các chuyên viên tư vấn học đường

Năm học 2012-13

Các chuyên viên tư vấn học đường	
3.0 FTE*	789:1 (Tỷ lệ học sinh so với chuyên viên tư vấn học đường)
Chuyên viên tư vấn (Phát triển cách giao tiếp xã hội/cách cư xử hoặc nghề nghiệp)	
**	Không có

* FTE = tương đương với toàn thời gian (full-time equivalent)

**Các chuyên viên tâm lý sẽ tư vấn cho học sinh về cách giao tiếp xã hội và cách cư xử, trong khi đó các chuyên viên tư vấn học đường sẽ tư vấn về việc phát triển nghề nghiệp.

Các chuyên viên tư vấn phụ đạo

Khu học chánh gửi hai chuyên viên tư vấn phụ đạo đến các trường trung học để nỗ lực hỗ trợ những học sinh đã rớt hoặc có nguy cơ sẽ rớt kỳ Thi tốt nghiệp trung học, cũng như hỗ trợ những học sinh có nguy cơ không được tốt nghiệp vì không có đủ tính chỉ.

Nhân viên hỗ trợ

Bảng này cho biết về nhân viên hỗ trợ tại trường và con số được tính tương đương với toàn thời gian (FTE).

Nhân viên hỗ trợ

Năm học 2011-12

Tương đương với toàn thời gian	
Quản thủ thư viện	0.50
Nhân viên thư viện (Phụ tá có kinh nghiệm)	0.00
Chuyên viên tâm lý	0.33
Nhân viên xã hội	0.00
Y tá	0.22
Phụ tá y tế	0.375
Chuyên viên chỉnh phát âm/luyện ngữ/thính giác	0.50
Giáo viên bổ túc đặc biệt (không đứng lớp)	0.00

Dữ liệu tài chánh

Dữ liệu tài chánh đăng trong Bản Tổng Kết Hàng Năm thuộc tài khoá 2010-11. Thông tin mới nhất về tài khoá do chính quyền tiểu bang cung cấp luôn trễ 2 năm so với năm học hiện tại, và trễ 1 năm so với các dữ liệu khác trong bản tổng kết này. Muốn biết thêm chi tiết, xin vào www.cde.ca.gov/ds/fd/cs và www.cde.ca.gov/ds/fd/ec.

Dữ liệu tài chánh của Khu học chánh năm học 2010-11

Bảng này cho thấy lương của giáo viên và nhân viên hành chánh thuộc khu học chánh và so với lương trung bình trong tiểu bang của các khu học chánh tương tự theo bản lương. Xin lưu ý rằng dữ liệu về lương của khu học chánh chưa kèm các bổng lộc khác.

Dữ liệu về lương bổng của khu học chánh — Năm tài khóa 2010-11

	Khu học chánh	Khu học chánh cùng cỡ
Lương giáo viên mức khởi đầu	$48,147	$41,455
Lương giáo viên mức giữa	$77,928	$66,043
Lương giáo viên mức cao nhất	$94,052	$85,397
Lương trung bình của hiệu trưởng (trường tiểu học)	$111,471	$106,714
Lương trung bình của hiệu trưởng (trường trung học cấp 1)	$118,538	$111,101
Lương trung bình của hiệu trưởng (trường trung học cấp 2)	$130,106	$121,754
Lương của trưởng khu học chánh	$250,226	$223,357
Lương giáo viên – Phần trăm ngân sách	43%	39%
Lương nhân viên hành chánh – Phần trăm ngân sách	4%	5%

So sánh dữ liệu tài chánh năm học 2010-11

Bảng sau đây cho thấy chi phí dành cho một học sinh từ các nguồn tiền không bị giới hạn và lương trung bình của giáo viên ở trường so với khu học chánh và tiểu bang.

So sánh dữ liệu tài chánh — Năm tài khóa 2010-11

	Chi phí cho một học sinh từ nguồn tiền không bị giới hạn	Lương trung bình trong năm của giáo viên
Trường	$4,512	$75,468
Khu học chánh	$4,792	$79,755
California	$5,455	$68,835
Trường và khu học chánh – Tỷ lệ khác biệt	-6.21%	-5.68%
Trường và tiểu bang California – Tỷ lệ khác biệt	-20.91%	+8.79%

Dữ liệu cho Bản Tổng Kết Hàng Năm năm nay do Bộ Giáo Dục Tiểu Bang California (California Department of Education – CDE), các trường và khu học chánh cung cấp. Muốn biết thêm thông tin về các trường và khu học chánh trong tiểu bang California, xin ghé vào trang mạng của DataQuest tại http://data1.cde.ca.gov/dataquest. DataQuest là nguồn thông tin trực tuyến cung cấp các bản báo cáo tổng kết hàng năm, kết quả thi, số học sinh ghi danh, số học sinh tốt nghiệp, số học sinh bỏ học, số học sinh ghi danh theo môn học, việc thuê mướn nhân viên, và các dữ liệu về học sinh đang học Anh ngữ. Thêm vào đó, Ed-Data cộng tác với CDE cung cấp thông tin chi tiết về tài chánh, thành phần học sinh, và thành tích học tập của các khu học chánh và trường học công lập từ lớp mẫu giáo đến lớp 12 tại California. Muốn biết thêm thông tin, xin ghé vào www.ed-data.k12.ca.us/Pages/Home.aspx.

Tất cả dữ liệu chính xác cho đến thời điểm thang 11 năm 2012.

Dữ liệu tài chánh của trường năm học 2010-11

Bảng này cho thấy lương trung bình của giáo viên tại trường và chi tiết về chi phí dành cho một học sinh từ nguồn tiền không bị giới hạn lẫn bị giới hạn.

Dữ liệu tài chánh của trường

Năm tài khóa 2010-11	
Tổng chi phí cho một học sinh	$7,065
Chi phí cho một học sinh từ nguồn tiền bị giới hạn	$2,553
Chi phí cho một học sinh từ nguồn tiền không bị giới hạn	$4,512
Lương trung bình của giáo viên	$75,468

Tu nghiệp

Chương trình tu nghiệp của khu học chánh GGUSD tập trung vào cách giảng dạy hiệu quả dựa trên nghiên cứu, trong đó lồng vào những phương pháp nhằm tạo sự thích thú và khác biệt cho nhiều học sinh khác nhau. Giáo viên được hỗ trợ áp dụng cách giảng dạy hiệu quả qua việc huấn luyện bao quát và hỗ trợ trong lớp được nhắm đến. Thành tích học tập của học sinh cũng giúp đặt ra mục tiêu và kỳ vọng rõ ràng khi soạn chương trình huấn luyện tại chức cho giáo viên và các phụ giáo.

Khu học chánh tổ chức các buổi hướng dẫn chuyên sâu trong 5 ngày liền vào cuối tháng 8 để cung cấp kiến thức mới và nâng cao năng lực cho giáo viên để sẵn sàng cho một năm học mới. Trong khi đó nhân viên được tu nghiệp vào sau giờ học và vào những ngày nghỉ sớm trong suốt năm học. Luôn có những buổi huấn luyện về học trình của khu học chánh, phương tiện kỹ thuật, và phương pháp giảng dạy dựa trên nghiên cứu. Ngoài những đợt huấn luyện tại chức, mỗi năm khu học chánh dành một ngày để tu nghiệp cho tất cả giáo viên trung học trong khu học chánh.

Giáo viên mới vào nghề được tham dự chương trình huấn luyện bao quát BTSA để làm quen với công việc. Vài trong số những chủ đề huấn luyện cho giáo viên mới là cách đứng lớp, chương trình cơ bản của khu học chánh, phiếu điểm, các buổi họp phụ huynh học sinh, và phương pháp giảng dạy dựa trên nghiên cứu.